

CHÍNH PHỦ**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 155/2026/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2026

NGHỊ ĐỊNH**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP
ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định
chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại***Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;**Căn cứ Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13;**Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiếp công dân, Luật
khiếu nại, Luật Tố cáo số 136/2025/QH15;**Theo đề nghị của Tổng Thanh tra Chính phủ;**Chính phủ ban hành Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định
số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ quy định chi
tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại.***Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1****“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị định này quy định chi tiết các điều khoản sau đây của Luật Khiếu nại:

a) Khoản 2 Điều 3 về khiếu nại và giải quyết khiếu nại trong đơn vị sự nghiệp công lập;

b) Khoản 4 Điều 8 về nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung;

c) Điều 11a về tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại;

d) Khoản 6 Điều 30 về trường hợp người khiếu nại đã được mời đối thoại nhưng không tham gia đối thoại mà không có lý do chính đáng;

đ) Khoản 3 Điều 41 về công khai quyết định giải quyết khiếu nại;

e) Khoản 4 Điều 46 về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật;

g) Khoản 2 Điều 58 về thi hành quyết định giải quyết khiếu nại đối với quyết định kỷ luật cán bộ, công chức có hiệu lực pháp luật.

2. Quy định một số biện pháp thi hành Luật Khiếu nại gồm: hình thức khiếu nại; xác định vụ việc phức tạp trong giải quyết khiếu nại; khiếu nại lần hai; đại diện thực hiện việc khiếu nại; rút khiếu nại trong trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung; trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại; xem xét việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật; xử lý hành vi vi phạm.”.

Điều 2. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3

“Điều 3a. Vụ việc phức tạp trong giải quyết khiếu nại

1. Vụ việc phức tạp trong giải quyết khiếu nại là vụ việc thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Khiếu nại về một nội dung nhưng phải xác minh từ 02 địa điểm trở lên;
- b) Khiếu nại có từ 02 nội dung phải xác minh trở lên;
- c) Nhiều người khiếu nại về cùng một nội dung hoặc nội dung khiếu nại liên quan đến quyền và lợi ích của nhiều người;
- d) Người khiếu nại ở nước ngoài hoặc là người nước ngoài; hành vi bị khiếu nại xảy ra ở nước ngoài; nội dung khiếu nại phải xác minh ở nước ngoài;
- đ) Nội dung khiếu nại liên quan đến trách nhiệm quản lý của nhiều cơ quan, tổ chức;
- e) Các cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình giải quyết khiếu nại còn ý kiến khác nhau;
- g) Có tài liệu, chứng cứ mâu thuẫn với nhau cần có thời gian kiểm tra, xác minh, đánh giá hoặc tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn.

2. Việc xác định vụ việc phức tạp phải được thể hiện bằng văn bản và lưu trong hồ sơ giải quyết khiếu nại.”.

Điều 3. Sửa đổi khoản 3 Điều 5

“3. Việc ủy quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này phải được lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền khiếu nại của cá nhân phải được công chứng hoặc chứng thực. Văn bản ủy quyền của tổ chức phải do người có thẩm quyền của tổ chức ký và đóng dấu của tổ chức đó (nếu có). Nội dung văn bản ủy quyền thực hiện theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định này.

Người khiếu nại được ủy quyền khiếu nại cho một người hoặc nhiều người về các nội dung ủy quyền khác nhau nhưng không được ủy quyền một nội dung cho nhiều người thực hiện.”.

Điều 4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6

“2. Số người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại theo quy định tại Điều 29 Luật Tiếp công dân.”.

Điều 5. Bổ sung Điều 7a vào sau Điều 7

“Điều 7a. Rút khiếu nại trong trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung

1. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung mà có một hoặc một số người khiếu nại rút khiếu nại thì việc giải quyết khiếu nại vẫn được tiếp tục đối với những người khiếu nại còn lại; người khiếu nại đã rút khiếu nại không được tiếp tục thực hiện quyền, nghĩa vụ của người khiếu nại quy định tại Điều 12 Luật Khiếu nại.

2. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại mà toàn bộ người khiếu nại rút khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại ban hành quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại.

3. Việc rút khiếu nại tại khoản 1, khoản 2 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 10 Luật Khiếu nại.”.

Điều 6. Sửa đổi, bổ sung Điều 8

“Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc phối hợp xử lý trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung ở cấp xã

1. Khi phát sinh việc nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung ở xã, phường, đặc khu (gọi chung là cấp xã), Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Phân công người có trách nhiệm tiếp đại diện của những người khiếu nại để nghe trình bày nội dung khiếu nại; xử lý trường hợp những người khiếu nại chưa có đơn khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tiếp công dân. Trường hợp cần thiết, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chủ trì, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã phối hợp để tiếp, nghe đại diện của những người khiếu nại trình bày nội dung khiếu nại;

b) Chỉ đạo Công an cấp xã áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng tại nơi có nhiều người cùng đến khiếu nại về một nội dung;

c) Hướng dẫn người khiếu nại thực hiện việc khiếu nại đúng quy định của pháp luật.

2. Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng tại nơi có nhiều người cùng đến khiếu nại về một nội dung; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thụ lý giải quyết khiếu nại thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật; nếu khiếu nại không thuộc thẩm quyền thì hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.”.

Điều 7. Bãi bỏ Điều 9.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 10

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung cử người có trách nhiệm hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại tại nơi tiếp công dân để nghe trình bày nội dung khiếu nại; xử lý trường hợp những người khiếu nại chưa có đơn khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tiếp công dân.

Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền thì Thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền thì hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.”.

2. Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2

a) Sửa đổi, bổ sung điểm b như sau:

“b) Khi cần thiết, đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc khiếu nại tham gia hoặc cử người có trách nhiệm tham gia tiếp đại diện của những người khiếu nại;”.

b) Sửa đổi, bổ sung điểm d như sau:

“d) Theo dõi, đôn đốc Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trong việc giải quyết khiếu nại do Ban tiếp công dân cấp tỉnh chuyển đến.”.

3. Sửa đổi, bổ sung khoản 3

“3. Thủ trưởng cơ quan Công an quản lý địa bàn, Giám đốc Công an cấp tỉnh có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng tại nơi có nhiều người cùng đến khiếu nại về một nội dung; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.”.

Điều 9. Sửa đổi, bổ sung một số khoản của Điều 11

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1

“1. Thủ trưởng cơ quan nơi có người khiếu nại tập trung cử người có trách nhiệm hoặc trực tiếp tiếp đại diện của những người khiếu nại tại nơi tiếp công dân để nghe trình bày nội dung khiếu nại; xử lý trường hợp những người khiếu nại chưa có đơn khiếu nại theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tiếp công dân.

Trường hợp vụ việc khiếu nại thuộc thẩm quyền thì Thủ trưởng cơ quan thụ lý để giải quyết theo quy định của pháp luật; nếu vụ việc khiếu nại không thuộc thẩm quyền thì hướng dẫn người khiếu nại đến cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết.”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4

“4. Công an cấp xã, cấp tỉnh quản lý địa bàn nơi có nhiều người cùng đến khiếu nại về một nội dung có trách nhiệm thực hiện hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan áp dụng các biện pháp bảo đảm trật tự công cộng tại nơi có nhiều người cùng đến khiếu nại về một nội dung; xử lý các hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật.”.

Điều 10. Sửa đổi khoản 1 Điều 16

“1. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại quyết định hành chính, hành vi hành chính, quyết định kỷ luật cán bộ, công chức thuộc thẩm quyền giải quyết mà không thuộc một trong các trường hợp được quy định tại Điều 11 của Luật Khiếu nại thì người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại lần đầu hoặc lần hai phải thụ lý giải quyết. Trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung và cử người đại diện để trình bày nội dung khiếu nại thì thụ lý khi trong đơn khiếu nại có đầy đủ chữ ký của những người khiếu nại và có văn bản cử người đại diện theo quy định tại Điều 7 của Nghị định này. Trường hợp không thụ lý giải quyết thì phải nêu rõ lý do trong văn bản thông báo cho người khiếu nại.”.

Điều 11. Sửa đổi, bổ sung Điều 28

“Điều 28. Tổ chức đối thoại trong giải quyết khiếu nại

1. Người giải quyết khiếu nại có trách nhiệm gửi văn bản thông báo về việc tổ chức đối thoại cho người khiếu nại, người đại diện (trong trường hợp nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung), người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan trước ngày đối thoại ít nhất 05 ngày. Văn bản thông báo về việc tổ chức đối thoại phải ghi rõ thời gian, địa điểm, nội dung đối thoại. Người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức có liên quan phải có mặt tại địa điểm đối thoại theo đúng thời gian trong văn bản thông báo của người giải quyết khiếu nại.

2. Trong quá trình giải quyết khiếu nại lần hai, người giải quyết khiếu nại phải tổ chức đối thoại.

a) Người giải quyết khiếu nại lần hai là Thủ trưởng cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trực tiếp đối thoại với người khiếu nại.

b) Người giải quyết khiếu nại lần hai là Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phải trực tiếp đối thoại trong trường hợp có nhiều người cùng khiếu nại về một nội dung hoặc có nhiều ý kiến khác nhau của các cơ quan có thẩm quyền về biện pháp giải quyết hoặc người khiếu nại có thái độ gay gắt, dư luận xã hội quan tâm hoặc vụ việc ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

Đối với các trường hợp khác, người giải quyết khiếu nại có thể phân công cấp phó của mình hoặc thủ trưởng cơ quan chuyên môn cùng cấp hoặc thủ trưởng cơ quan, đơn vị trực thuộc được giao nhiệm vụ xác minh đối thoại với người khiếu nại. Trong quá trình đối thoại, người được phân công phải kịp thời báo cáo với người giải quyết khiếu nại về những nội dung phức tạp, vượt quá thẩm quyền; kết thúc đối thoại phải báo cáo với người giải quyết khiếu nại về kết quả đối thoại và chịu trách nhiệm về nội dung báo cáo.

3. Người chủ trì đối thoại phải tiến hành đối thoại trực tiếp với người khiếu nại, người bị khiếu nại và người có quyền, lợi ích liên quan. Người chủ trì đối thoại khi đối thoại phải nêu rõ nội dung cần đối thoại, kết quả xác minh nội dung khiếu nại; người tham gia đối thoại có quyền trình bày ý kiến, bổ sung thông tin, tài liệu, bằng chứng liên quan đến khiếu nại và yêu cầu của mình.

4. Việc đối thoại được lập thành biên bản, ghi rõ thời gian, địa điểm, thành phần tham gia (ghi rõ người dự và người vắng mặt; trường hợp người khiếu nại không tham gia đối thoại thì ghi rõ có lý do hoặc không có lý do), nội dung, ý kiến của những người tham gia, những nội dung đã được thống nhất, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau và có chữ ký của các bên. Biên bản được lập thành ít nhất ba bản, mỗi bên giữ một bản. Biên bản đối thoại được thực hiện theo Mẫu số 14 ban hành kèm theo Nghị định này.

5. Người khiếu nại đã được mời đối thoại nhưng không tham gia đối thoại mà không có lý do chính đáng thì người giải quyết khiếu nại vẫn tiếp tục giải quyết khiếu nại. Lý do chính đáng là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan được quy định tại Điều 28a Nghị định này.”

Điều 12. Bổ sung Mục 2a vào sau Mục 2 Chương IV

“Mục 2a

TẠM ĐÌNH CHỈ, ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI

Điều 28a. Sự kiện bất khả kháng và trở ngại khách quan trong giải quyết khiếu nại

1. Sự kiện bất khả kháng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11a Luật Khiếu nại là sự kiện xảy ra một cách khách quan không thể lường trước được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép.

2. Trở ngại khách quan quy định tại điểm a khoản 1 Điều 11a Luật Khiếu nại là trở ngại do hoàn cảnh khách quan tác động làm cho người khiếu nại, người đại diện hợp pháp của người khiếu nại không thể thực hiện được quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Các trường hợp được coi là sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan bao gồm nhưng không giới hạn những trường hợp sau:

- a) Thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, dịch họa;
- b) Tai nạn, ốm đau, đi công tác, học tập ở nơi xa;
- c) Hồ sơ, tài liệu liên quan trực tiếp đến vụ việc khiếu nại đang bị cơ quan có thẩm quyền tạm giữ, niêm phong.

4. Việc áp dụng quy định tại Điều này phải có căn cứ, tài liệu chứng minh và được thể hiện trong hồ sơ giải quyết khiếu nại.”.

Điều 28b. Ban hành, gửi quyết định tạm đình chỉ, quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại; thông báo tiếp tục giải quyết khiếu nại

1. Khi có đủ căn cứ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11a Luật Khiếu nại, người giải quyết khiếu nại ban hành ngay quyết định tạm đình chỉ hoặc quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại theo Mẫu số 14a ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành. Đối với người khiếu nại thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 11a Luật Khiếu nại thì người giải quyết khiếu nại gửi quyết định đình chỉ giải quyết khiếu nại đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cá nhân thường trú cuối cùng trước khi chết hoặc gửi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi tổ chức có trụ sở chính ngay trước khi giải thể, phá sản hoặc kết thúc hoạt động.

2. Khi căn cứ tạm đình chỉ không còn, người giải quyết khiếu nại phải ban hành ngay quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại theo Mẫu số 14b ban hành kèm theo Nghị định này và gửi cho người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành.

Thời hạn giải quyết khiếu nại tiếp tục được tính từ ngày ban hành quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại.”.

Điều 13. Bổ sung Điều 30a vào sau Điều 30**“Điều 30a. Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết khiếu nại**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số để cập nhật, theo dõi, quản lý, lưu trữ, kết nối, chia sẻ dữ liệu giải quyết khiếu nại theo quy định của pháp luật.

2. Thông tin, dữ liệu về quá trình xử lý, giải quyết khiếu nại được cập nhật kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3. Việc ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong giải quyết khiếu nại phải bảo đảm tính công khai, minh bạch, bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân và tuân thủ các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước”.

Điều 14. Sửa đổi, bổ sung Điều 38**“Điều 38. Xem xét việc giải quyết khiếu nại có vi phạm pháp luật**

1. Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu người có thẩm quyền hoặc giao Tổng Thanh tra Chính phủ kiểm tra, báo cáo Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo giải quyết.

2. Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan thuộc bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc cơ quan ngang bộ có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ yêu cầu người có thẩm quyền hoặc giao Thủ trưởng cơ quan trực thuộc phù hợp kiểm tra, báo cáo Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ chỉ đạo giải quyết.

3. Khi phát hiện việc giải quyết khiếu nại của Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh yêu cầu người có thẩm quyền hoặc giao thủ trưởng cơ quan trực thuộc phù hợp kiểm tra, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo giải quyết.”.

Điều 15. Sửa đổi, bổ sung Điều 39**“Điều 39. Nguyên tắc xử lý hành vi vi phạm**

1. Người có thẩm quyền giải quyết khiếu nại, người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, người can thiệp vào việc giải quyết khiếu nại, người có trách nhiệm tổ chức thi hành quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu

lực pháp luật là cán bộ, công chức, viên chức mà có hành vi vi phạm pháp luật khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý kỷ luật theo quy định tại các Điều 40, 41, 41a và 42 của Nghị định này. Hình thức xử lý kỷ luật bao gồm: khiển trách, cảnh cáo, cách chức, bãi nhiệm, buộc thôi việc. Nếu có dấu hiệu tội phạm thì bị truy cứu trách nhiệm hình sự; trường hợp gây thiệt hại thì phải bồi thường hoặc bồi hoàn theo quy định của pháp luật.

Nguyên tắc, thẩm quyền, trình tự, thủ tục và các nội dung khác có liên quan đến việc xử lý kỷ luật chưa được quy định tại Nghị định này thì thực hiện theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức.

2. Người khiếu nại và những người có liên quan mà có hành vi vi phạm pháp luật thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

3. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an quy định việc xử lý kỷ luật đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại, người giải quyết khiếu nại và những người khác vi phạm pháp luật về khiếu nại trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.”.

Điều 16. Sửa đổi, bổ sung Điều 40

“Điều 40. Xử lý kỷ luật đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại khi có một trong những hành vi sau:

a) Sách nhiễu, cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại;

b) Bao che cho người bị khiếu nại;

c) Đe dọa trả thù, trù dập người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại khi có một trong những hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc trong quá trình xác minh nội dung khiếu nại.

3. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 2 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý báo cáo sai lệch kết quả xác minh nội dung khiếu nại dẫn đến quyết định giải quyết khiếu nại sai trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

4. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc áp dụng đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức theo quy định tại khoản 3 Điều này đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm hoặc đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 2 Điều này đối với người được giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý mà tái phạm;

b) Cố ý báo cáo sai lệch kết quả xác minh nội dung khiếu nại dẫn đến quyết định giải quyết khiếu nại sai gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người.”.

Điều 17. Sửa đổi, bổ sung Điều 41

“Điều 41. Xử lý kỷ luật đối với người giải quyết khiếu nại

1. Hình thức kỷ luật khiển trách áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong những hành vi vi phạm pháp luật sau:

a) Sách nhiễu, cản trở, gây khó khăn, phiền hà cho người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại;

b) Bao che cho người bị khiếu nại;

c) Đe dọa trả thù, trù dập người khiếu nại, người được ủy quyền khiếu nại, người bị khiếu nại.

2. Hình thức kỷ luật cảnh cáo áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách theo quy định tại khoản 1 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý không thụ lý giải quyết khiếu nại đối với vụ việc khiếu nại đủ điều kiện thụ lý thuộc thẩm quyền;

c) Cố ý bỏ qua các bằng chứng, bỏ lọt các thông tin, tài liệu hoặc làm sai lệch hồ sơ vụ việc;

d) Cố ý không ban hành quyết định giải quyết khiếu nại.

3. Hình thức kỷ luật cách chức áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo theo quy định tại khoản 2 Điều này mà tái phạm;

b) Vi phạm nghiêm trọng trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người;

c) Cố ý ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này.

4. Hình thức kỷ luật buộc thôi việc hoặc bãi nhiệm áp dụng đối với người giải quyết khiếu nại khi có một trong các hành vi sau:

a) Đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cách chức theo quy định tại khoản 3 Điều này mà tái phạm;

b) Cố ý ban hành quyết định giải quyết khiếu nại trái pháp luật gây mất ổn định nghiêm trọng về an ninh, trật tự xã hội hoặc gây hậu quả chết người.”.

Điều 18. Bổ sung Điều 41a vào sau Điều 41

“Điều 41a. Xử lý đối với người can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại

1. Cán bộ, công chức, viên chức có hành vi can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại bị kỷ luật bằng hình thức khiển trách; trường hợp gây hậu quả nghiêm trọng hoặc tái phạm thì áp dụng hình thức cảnh cáo.

2. Người không thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này có hành vi can thiệp trái pháp luật vào việc giải quyết khiếu nại thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm bị xử lý theo quy định của pháp luật.”.

Điều 19. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 43

“1. Việc giải quyết khiếu nại của người lao động trong doanh nghiệp nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập về các lĩnh vực lao động, giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp

đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội thực hiện theo quy định của pháp luật về lao động, giáo dục nghề nghiệp, hoạt động đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, việc làm, an toàn, vệ sinh lao động, bảo hiểm xã hội và pháp luật về khiếu nại có liên quan.”.

Điều 20. Bổ sung, thay thế một số biểu mẫu tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP

1. Thay thế Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 14 bằng Mẫu số 01, Mẫu số 02, Mẫu số 03, Mẫu số 04 và Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Bổ sung Mẫu số 14a, Mẫu số 14b vào sau Mẫu số 14 tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 124/2020/NĐ-CP.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Quy định về công chứng văn bản uỷ quyền khiếu nại của cá nhân tại khoản 3 Điều 5 Nghị định số 124/2020/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại Điều 3 Nghị định này hết hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2027.

Điều 22. Quy định chuyển tiếp

1. Việc rút khiếu nại, tạm đình chỉ, đình chỉ giải quyết khiếu nại, đối thoại đối với vụ việc khiếu nại đã có thông báo thụ lý trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa ban hành quyết định giải quyết khiếu nại được thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

2. Đối với vụ việc giải quyết khiếu nại vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân bị phát hiện trước khi Nghị định này có hiệu lực thi hành và đang được xem xét, giải quyết thì tiếp tục thực hiện việc xem xét giải quyết theo quy định tại Nghị định số 124/2020/NĐ-CP.

3. Đối với hành vi vi phạm pháp luật về khiếu nại xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực đang được xem xét, xử lý và chưa có quyết định xử lý kỷ luật hoặc việc xem xét, xử lý sau ngày Nghị định này có hiệu lực thì áp dụng quy định tại Nghị định này hoặc quy định của Nghị định số 124/2020/NĐ-CP nếu có lợi cho cán bộ, công chức có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật.

Điều 23. Trách nhiệm tổ chức thực hiện

1. Căn cứ quy định tại Nghị định này và pháp luật về khiếu nại, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an hướng dẫn việc giải quyết khiếu nại trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Nghị định này./.

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Lê Tiến Châu

Phụ lục

*(Kèm theo Nghị định số 155/2026/NĐ-CP
ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ)*

Mẫu số 01	Đơn khiếu nại
Mẫu số 02	Giấy ủy quyền khiếu nại
Mẫu số 03	Thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại
Mẫu số 04	Thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại
Mẫu số 14	Biên bản đối thoại với người khiếu nại
Mẫu số 14a	Quyết định tạm đình chỉ, tạm đình chỉ giải quyết khiếu nại
Mẫu số 14b	Quyết định tiếp tục giải quyết khiếu nại

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

ĐƠN KHIẾU NẠI

Kính gửi: (1)

1. Thông tin người khiếu nại: (2)

- Họ và tên
- Địa chỉ:.....
- Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/..... ,
ngày cấp....., nơi cấp:.....

2. Thông tin người được uỷ quyền khiếu nại (nếu có): (3)

- Họ và tên:.....
- Địa chỉ:.....;
- Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/..... ,
ngày cấp....., nơi cấp:.....

3. Thông tin cơ quan, tổ chức, cá nhân bị khiếu nại: (4)

- Tên cơ quan, tổ chức, cá nhân:.....
- Địa chỉ:.....

4. Khiếu nại về việc:..... (5)

5. Nội dung khiếu nại:..... (6)

(Tài liệu, chứng cứ kèm theo - nếu có).

NGƯỜI KHIẾU NẠI (7)
(Chữ ký hoặc điểm chỉ)

Họ và tên

Ghi chú:

- (1) Ghi rõ tên cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.
- (2) Ghi rõ họ và tên, địa chỉ và số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu của người khiếu nại.
Nếu nhiều người cùng làm một đơn khiếu nại về cùng một nội dung thì ghi rõ họ và tên, địa chỉ và số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu của từng người.
Nếu người khiếu nại là tổ chức thì ghi tên cơ quan tổ chức và người đại diện (họ và tên, chức vụ).
- (3) Ghi rõ họ và tên, địa chỉ và số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu của người được uỷ quyền (nếu có).
- (4) Ghi rõ tên và địa chỉ của cơ quan, tổ chức; họ và tên của cá nhân bị khiếu nại.
- (5) Ghi rõ khiếu nại lần đầu hoặc lần hai đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về việc gì.
- (6) Ghi rõ nội dung khiếu nại, cơ sở của việc khiếu nại và yêu cầu giải quyết khiếu nại.
- (7) Người khiếu nại ký hoặc điểm chỉ và ghi rõ họ và tên. Nếu nhiều người cùng làm một đơn khiếu nại về cùng một nội dung thì từng người ký hoặc điểm chỉ và ghi rõ họ và tên.

Mẫu số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm...

GIẤY ỦY QUYỀN KHIẾU NẠI

Họ và tên người khiếu nại:.....

Địa chỉ:

Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/..... ,
ngày cấp..... , nơi cấp:.....

Họ và tên người được ủy quyền khiếu nại.....

Địa chỉ:

Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/..... ,
ngày cấp..... , nơi cấp.....

Nội dung ủy quyền khiếu nại:(1)

(Trong quá trình thực hiện việc khiếu nại, người được ủy quyền có trách nhiệm thực hiện đúng nội dung ủy quyền).

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN

(Chữ ký hoặc điểm chỉ)

NGƯỜI ỦY QUYỀN(Chữ ký hoặc điểm chỉ/Trường hợp ủy
quyền của tổ chức phải do người có thẩm
quyền của tổ chức ký và đóng dấu(nếu có))**Họ và tên****Họ và tên****LỜI CHỨNG CÔNG CHỨNG/CHỨNG THỰC⁽²⁾****Ghi chú:**

(1) Ủy quyền toàn bộ hay ủy quyền một số nội dung khiếu nại (trường hợp ủy quyền một số nội dung thì phải ghi rõ nội dung ủy quyền khiếu nại).

(2) Mẫu và nội dung lời chứng thực hiện theo quy định pháp luật về công chứng, chứng thực.

Mẫu số 03

.....(1).....

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:../TB-...

....., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc thụ lý giải quyết khiếu nại...(3)**

Kính gửi: (4).....

Ngày... tháng... năm...,... (2)... đã nhận được đơn khiếu nại của..... (4).....:

Địa chỉ:.....

Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/.....,
ngày cấp....., nơi cấp.....

Khiếu nại về việc..... (5).

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại của... (4)..., căn cứ quy định của pháp luật về khiếu nại,... (2)... nhận thấy đơn khiếu nại của... (4)... đủ điều kiện thụ lý.

Vậy thông báo để... (4)... được biết./

Nơi nhận:

- Như trên;

-....(6)....;

- Lưu: VT, hồ sơ.

**CHỨC DANH
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CỦA (2)***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thông báo về việc thụ lý giải quyết khiếu nại.

(3) Lần giải quyết khiếu nại: "lần đầu" hoặc "lần hai".

(4) Họ tên người khiếu nại (hoặc tên cơ quan, tổ chức, người đại diện, người được ủy quyền khiếu nại).

(5) Tóm tắt nội dung khiếu nại.

(6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

Mẫu số 04

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:..../TB-...

....., ngày... tháng... năm.....

THÔNG BÁO**Về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại**

Kính gửi:.....(3)

Ngày... tháng... năm...,... (2)... đã nhận được đơn khiếu nại của.....(3)

Địa chỉ:.....

Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/..... ,
ngày cấp..... , nơi cấp.....

Khiếu nại về việc.....(4)

Sau khi xem xét nội dung đơn khiếu nại, căn cứ Điều 11 của Luật Khiếu nại
.....(2)..... nhận thấy, đơn khiếu nại của...(3)... không đủ điều kiện để thụ lý giải
quyết vì ...(5).....

Vậy thông báo để... (3)... được biết.

Nơi nhận:

- Như trên;
-(6).....;
- Lưu: VT, hồ sơ.

CHỨC DANH
NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU CỦA (2)
(Chữ ký, dấu)

Họ và tên**Ghi chú:**

- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị thông báo về việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.
- (3) Họ tên người khiếu nại (hoặc tên cơ quan, tổ chức, người đại diện, người được ủy quyền khiếu nại).
- (4) Tóm tắt nội dung khiếu nại.
- (5) Lý do của việc không thụ lý giải quyết khiếu nại.
- (6) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Nghị định này.

Mẫu số 14

.....(1)..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
(2)..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN ĐỐI THOẠI VỚI NGƯỜI KHIẾU NẠI

Vào hồi... giờ..., ngày... tháng... năm....., tại..... (3)

I. THÀNH PHẦN THAM GIA ĐỐI THOẠI

1. Người giải quyết khiếu nại, người được phân công chủ trì đối thoại:

Ông (bà)..... chức vụ....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)

2. Người ghi biên bản:

Ông (bà)..... chức vụ....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)

3. Người khiếu nại (hoặc người đại diện, người được ủy quyền của người khiếu nại):.....(4)

Ông (bà)..... chức vụ....., cơ quan (tổ chức)

Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

(Trường hợp người khiếu nại không tham gia đối thoại thì ghi rõ trong biên bản người khiếu nại vắng mặt có lý do hoặc không có lý do).

4. Người bị khiếu nại (hoặc người đại diện, người được ủy quyền khiếu nại của người bị khiếu nại (nếu có)):

Ông (bà)..... chức vụ....., cơ quan (tổ chức, đơn vị)

5. Người có quyền, nghĩa vụ liên quan (nếu có):

Ông (bà).....

Số căn cước/định danh cá nhân/giấy chứng nhận căn cước/hộ chiếu/....., ngày cấp....., nơi cấp.....

Địa chỉ:.....

6. Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan (nếu có):

Ông (bà).....

Địa chỉ:.....

II. NỘI DUNG ĐỐI THOẠI

1. Người giải quyết khiếu nại hoặc người được phân công chủ trì đối thoại nêu mục đích, yêu cầu của việc đối thoại, tóm tắt kết quả xác minh nội dung khiếu nại và những nội dung đối thoại:.....

.....

2. Ý kiến của những người tham gia đối thoại về từng nội dung đối thoại.....

III. KẾT QUẢ ĐỐI THOẠI

Những nội dung đối thoại đã thống nhất, những vấn đề còn ý kiến khác nhau và những ý kiến khác (nếu có).

Buổi đối thoại kết thúc hồi... giờ... ngày... tháng... năm.....

Biên bản đối thoại đã được đọc lại cho những người tham gia đối thoại nghe và ký xác nhận (*trường hợp người tham gia đối thoại không ký xác nhận thì phải ghi rõ lý do*).

Biên bản được lập thành.... bản;(5)..... mỗi người nhận 01 bản./

NGƯỜI BỊ KHIẾU NẠI
(Ký, ghi rõ họ tên)

NGƯỜI GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI
(HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC PHÂN
CÔNG CHỦ TRÌ ĐỐI THOẠI)
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

NGƯỜI KHIẾU NẠI
(HOẶC NGƯỜI ĐẠI DIỆN,
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN)
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, TỔ CHỨC,
CÁ NHÂN CÓ LIÊN QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có))

NGƯỜI CÓ QUYỀN VÀ
NGHĨA VỤ LIÊN QUAN
(Ký, ghi rõ họ tên hoặc điểm chỉ)

NGƯỜI GHI BIÊN BẢN
(Ký, ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).
- (2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị chủ trì đối thoại.
- (3) Địa điểm tiến hành đối thoại.
- (4) Người khiếu nại (hoặc người đại diện, người được ủy quyền của người khiếu nại).
- (5) Bao gồm: Người giải quyết khiếu nại, người được giao nhiệm vụ xác minh, người khiếu nại, người bị khiếu nại. Người khiếu nại, người bị khiếu nại không tham gia đối thoại thì không được nhận Biên bản đối thoại.

Mẫu số 14a

.....(1).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

.....(2).....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...-...

....., ngày... tháng... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc tạm đình chỉ/đình chỉ giải quyết khiếu nại (3)****THẨM QUYỀN BAN HÀNH***Căn cứ**Căn cứ**Theo đề nghị của***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.**..... (4)

Lý do:

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.**Điều 3.**(5)**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;

- Lưu:...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)***Họ và tên****Ghi chú:**

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(3) Ghi một trong hai trường hợp “Tạm đình chỉ” hoặc “đình chỉ” giải quyết khiếu nại.

(4) Ghi rõ thông tin tạm đình chỉ/đình chỉ giải quyết vụ việc khiếu nại theo Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại số.../TB-...ngày ...tháng...năm... của

(5) Người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành.

Mẫu số 14b

.....(1).....
(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../...-...

....., ngày... tháng... năm....

QUYẾT ĐỊNH
Về việc tiếp tục giải quyết khiếu nại

THẨM QUYỀN BAN HÀNH

Căn cứ

Căn cứ

Theo đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.....(3)

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3.(4)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Lưu: ...

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
 (Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Họ và tên

Ghi chú:

(1) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp trên trực tiếp (nếu có).

(2) Tên cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền giải quyết khiếu nại.

(3) Ghi rõ thông tin tiếp tục giải quyết vụ việc khiếu nại theo Thông báo thụ lý giải quyết khiếu nại số.../TB-...ngày ...tháng...năm... của

(4) Người khiếu nại, người đại diện người khiếu nại, người bị khiếu nại, người có quyền, nghĩa vụ liên quan, cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thi hành.